

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0671005 - Thí nghiệm Hóa học đại cương

STC : 1(15,0,0,0,0,0)

Lần thi : 1

Lớp :

Năm học : 2013-2014

Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Nguyễn Đức	Tài	3771020328	02/10/1994		7,30	7,30	
2	Huỳnh Văn	Luận	3771020705	19/05/1995		6,00	6,00	
3	Lê Trung	Phong	3771020709	27/03/1995		,00	,00	
4	Trần Duy	Quang	3771020714	12/01/1995		7,30	7,30	
5	Trần Huy	Hùng	3771020715	10/04/1995		7,00	7,00	
6	Vô Thái	Cường	3771020719	28/09/1995		7,30	7,30	
7	Lê Quốc	Việt	3771020730	05/11/1995		7,00	7,00	
8	Nguyễn Thị Thu	Hiền	3771020737	29/06/1995		,00	,00	
9	Phạm Bá	Châu	3771020743	08/06/1995		7,00	7,00	
10	Nguyễn Khắc	Tú	3771020744	14/11/1994		7,30	7,30	
11	Vô Quyền	Linh	3771020746	02/02/1994		6,00	6,00	
12	Vô Trần Minh	Tài	3771020747	27/05/1994		7,00	7,00	
13	Phạm Văn	Thế	3771020748	01/04/1989		7,00	7,00	
14	Nguyễn Hoàng	Duy	3771020762	04/06/1995		,00	,00	
15	Thuận Văn	Tiếp	3771020767	15/05/1993		6,50	6,50	
16	Lê Minh	Thà	3771020772	02/03/1991		,00	,00	
17	Lê Đình	Vương	3771020774	16/06/1992		6,50	6,50	
18	Đào Duy	Lâm	3771020776	20/06/1995		6,00	6,00	
19	Văn Công Vũ	Bảo	3771020779	16/04/1995		7,00	7,00	
20	Nguyễn Thanh	Huy	3771020784	18/11/1995		5,50	5,50	
21	Vô Mạnh	Cường	3771020785	02/09/1993		7,30	7,30	
22	Trần Quang	Ngọc	3771020792	10/03/1995		7,00	7,00	
23	Nguyễn Tấn	Thắng	3771020796	02/06/1995		7,30	7,30	
24	Lê Tuấn	Phuong	3771020800	25/10/1995		,00	,00	
25	Đỗ Thành	Tài	3771020801	18/09/1995		,00	,00	
26	Lê Nhật	Quang	3771020804	12/02/1995		7,00	7,00	
27	Lê Duy	Khánh	3771020807	23/05/1994		6,50	6,50	
28	Nguyễn Duy	Cường	3771020810	10/02/1995		6,50	6,50	
29	Lê Minh	Tường	3771020824	16/03/1995		5,50	5,50	
30	Nguyễn Khánh	Vinh	3771020826	28/06/1995		6,50	6,50	
31	Bùi Hữu	Tân	3771020831	13/04/1995		7,00	7,00	
32	Nguyễn Ngọc	Tân	3771020851	26/10/1995		5,50	5,50	
33	Trần Hường	Phước	3771021087	26/03/1994		,00	,00	
34	Nguyễn Văn	Tư	3771021100	25/05/1995		6,00	6,00	
35	Trần Cao	Việt	3771021151	24/10/1995		8,00	8,00	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Lê Đăng	Từ	3771021165	17/12/1994		7,30	7,30	
37	Nguyễn Ngọc	Luận	3771021191	20/01/1994		7,00	7,00	
38	Trần Văn	Lợi	3771021211	04/10/1994		5,00	5,00	
39	Võ Duy	Tân	3771021228	10/01/1995		7,50	7,50	
40	Liêu Việt	Thành	3771021234	10/06/1993		7,50	7,50	
41	Hoàng Văn	Nam	3771021250	04/11/1992		,00	,00	
42	Nguyễn Văn	Dũng	3771021253	05/05/1994		7,50	7,50	
43	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	3771021276	05/05/1995		7,00	7,00	
44	Trần Quốc	Triệu	3771021301	18/06/1995		7,30	7,30	
45	Phan Thanh	Đăng	3771021304	28/08/1995		8,00	8,00	
46	Trần Quốc	Tài	3771021325	22/11/1995		,00	,00	
47	Võ Minh	Tân	3771021347	25/05/1995				
48	Lê Văn	Hậu	3771021381	05/03/1995		6,00	6,00	
49	Phạm Hữu	Hây	3771021404	09/09/1995		7,50	7,50	
50	Trần Đình	Sửu	3771021413	10/10/1994				

Tổng số : SV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 02 năm 2014

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)